

Số: 1101/2025 /CV/VHE

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM
  - Mã chứng khoán: VHE
  - Địa chỉ: Số 277 đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội
  - Điện thoại liên hệ: 0243 338 16 999
  - E-mail: [congbothongtin@vinaherbfoods.com](mailto:congbothongtin@vinaherbfoods.com)
  - Người thực hiện công bố thông tin: **Bùi Thị Hồng Dung**
  - Chức vụ: Người được ủy quyền CBTT của Công ty
  - Loại thông tin công bố:  24h  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam xin Thông báo quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuế.

3. Ngày có hiệu lực: 27/12/2024

4. Ngày nhận chứng từ gốc: 11/01/2025

5. Thông tin trên đã được Chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/01/2025 tại đường dẫn <https://vinaherbfoods.com/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

\*Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VP

**Đại diện tổ chức**  
Người ủy quyền công bố thông tin  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

**Bùi Tiến Vinh**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Xử phạt vi phạm hành chính về thuế**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;  
Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ các Luật thuế, Luật Phí và lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 54499/QĐ-CTHN ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế thuế lập ngày 20/12/2024 của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 62140/QĐ-CTHN-TTKT4 ngày 20/11/2024 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kiểm tra thuế tại Công ty Cổ phần Dược Liệu và Thực Phẩm Việt Nam; Mã số thuế: 0107409148; Địa chỉ trụ sở: Số 277 Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra số 4 - Cục Thuế TP Hà Nội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty Cổ phần Dược Liệu và Thực Phẩm Việt Nam;

Mã số thuế: 0107409148;

Địa chỉ: Số 277 Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.

Công ty Cổ phần Dược Liệu và Thực Phẩm Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107409148 đăng ký lần đầu ngày 25/4/2016. Đăng ký thay đổi lần 7 ngày 03/10/2022.

Người đại diện theo Pháp luật: ông Bùi Tiến Vinh; Giới tính: Nam; Chức danh: Chủ tịch HĐQT

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Về Thuế TNDN: Công ty hạch toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN không đúng quy định, điều chỉnh các khoản giảm lợi nhuận trước thuế chưa đúng quy





định. Vi phạm theo quy định tại Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính.

3. Các tình tiết tăng nặng: Không có.

4. Các tình tiết giảm nhẹ: Không có.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính:

Cụ thể:

- Xử phạt 20% trên tổng số tiền truy thu (TM 4254) là 19.446.894 đồng (Mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng) theo quy định tại Khoản 1, Điều 16, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Khoản 3, Điều 143, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 của Quốc hội do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không có.

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

\* Chi tiết các biện pháp:

- Truy thu thuế TNDN (TM 1052) qua kiểm tra số tiền 97.234.470 đồng (Chín mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng) (Năm 2022: 46.442.797 đồng, Năm 2023: 50.791.673 đồng) theo quy định tại Điều a, Khoản 2, Điều 16, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ.

- Tiền chậm nộp thuế TNDN (TM 4918) là 12.800.389 đồng (Mười hai triệu, tám trăm nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng) theo quy định tại Điều a, Khoản 2, Điều 59, Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Luật Quản lý thuế và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Yêu cầu Công ty tự tính và nộp số tiền phạt chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 21/12/2024 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước theo quy định.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 129.481.753 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng).

\* Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

\* Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Công ty vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

6. Một số nội dung xử lý khác: không

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/12/2024.

**Điều 3.** Quyết định này được:

1. Giao cho ông Bùi Tiến Vinh là đại diện cho Công ty để chấp hành.

Trong thời hạn 10 ngày, phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Số tiền phạt quy định tại Điều 1 nộp vào tài khoản số 7111 tại Kho bạc Nhà Nước huyện Đan Phượng (Cơ quan quản lý thu: Chi cục Thuế huyện Đan Phượng).

Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Dược Liệu và Thực Phẩm Việt Nam không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của Pháp luật.

Công ty Cổ phần Dược Liệu và Thực Phẩm Việt Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của Pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà Nước huyện Đan Phượng để thu tiền phạt.

3. Gửi cho các phòng: Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 4; Chi cục Thuế huyện Đan Phượng để tổ chức thực hiện./.

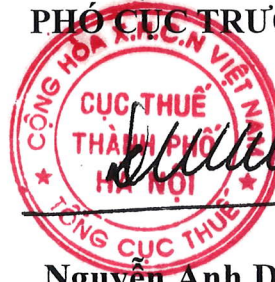
*Qua*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT; TTKT4 (03). (7;4)

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Anh Dũng**





**BIÊN BẢN KIỂM TRA THUẾ**  
**Tại Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam**  
**Mã số thuế: 0107409148**

Căn cứ Quyết định số 62140/QĐ-CTHN-TTKT4 ngày 20/11/2024 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kiểm tra thuế tại Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam. Mã số thuế: 0107409148. Địa chỉ trụ sở: Số 277 Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật Thuế tại Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam.

Thời kỳ kiểm tra: Năm 2022, 2023.

Số ngày làm việc thực tế: Theo Quyết định kiểm tra số 62140/QĐ-CTHN-TTKT4 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội.

Hôm nay, ngày 20/12/2024 tại Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam.

Chúng tôi gồm:

**1. Đoàn kiểm tra:**

- Ông: Nguyễn Anh Tuấn - KTV Phòng Thanh tra kiểm tra số 4 - Trưởng đoàn;
- Ông: Bùi Kim Khánh - KTV Phòng Thanh tra kiểm tra số 4 - Thành viên;

**2. Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam:**

- Ông: Bùi Tiến Vinh - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà: Phạm Thị Ánh - Chức vụ: Kế toán Trưởng.

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra như sau:

**I. Đặc điểm, tình hình chung của người nộp thuế:**

**1. Hồ sơ pháp nhân.**

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam (Sau đây gọi chung là Công ty).

- Mã số thuế: 0107409148.

- Địa chỉ trụ sở: Số 277 Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0107409148 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 04 năm 2016, thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 10 năm 2022.

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu và sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

- Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Chi cục Thuế Đan Phượng.

- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.

- Mục lục ngân sách: Chương 754 - Loại 040 - Khoản 071.

- Các sắc thuế đăng ký kê khai và nộp thuế tại Chi cục Thuế Đan Phượng: Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, thuế môn bài.

- Các năm chưa quyết toán thuế: Năm 2022, 2023.

**2. Chế độ kế toán:**

- Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 21/12/2014 của Bộ Tài Chính.

- Hình thức hạch toán: Độc lập.
- Hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.
- Niên độ kế toán: 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 3. Các tài khoản của Người nộp thuế mở tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước:

STT	Ngân hàng	Số tài khoản
1	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	100114851566888
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	312015657

### 4. Các chi nhánh: Không.

## II. Nội dung kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế:

### 1. Số liệu báo cáo của đơn vị.

Năm 2022-2023

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	2022	2023
<b>I</b>	<b>Thuế GTGT</b>		
1	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	1.964.105.538	709.871.665
2	Hàng hóa dịch vụ (HHDV) mua vào	6.263.625.762	77.561.450.782
3	Thuế hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ	565.711.488	345.152.260
4	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước	0	0
5	Điều chỉnh tăng	0	0
6	Điều chỉnh giảm	0	0
7	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	565.711.488	345.152.260
8	<b>Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ</b>	265.322.707.925	314.414.681.993
9	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	0	0
10	<b>Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT</b>	23.681.498.925	28.053.919.993
11	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	1.449.519.000	18.575.818.760
12	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	0	0
13	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	22.231.979.925	9.478.101.233
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	241.641.209.000	286.360.762.000
14	Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra	1.819.807.838	932.997.235
15	<b>Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước/Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước</b>	0	0
16	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước / Điều chỉnh giảm	175.000	7.707.502
17	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước / Điều chỉnh tăng	8.853.208	4.048.411
18	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh	0	0
19	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ	0	0
20	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu $[40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39]>0$ )	0	0
21	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế)	0	0
22	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ	0	0
23	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này	709.871.665	122.778.805
24	Thuế GTGT đề nghị hoàn	0	0
25	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	709.871.665	122.778.805



<b>II Thuế TNDN</b>			
<b>A</b>	<b>Tổng doanh thu</b>		
1	Tổng DT bán HH, DV chịu thuế TNDN	265.381.476.519	314.426.485.476
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	57.008.087	11.078.383
3	Doanh thu hoạt động tài chính	74.052.178	175.868.996
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh	259.008.053.225	307.542.295.419
	+ Giá vốn hàng bán	254.102.752.024	301.639.925.379
	+ Chi phí bán hàng	1.349.585.068	2.327.083.884
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.555.716.133	3.575.286.156
5	Chi phí tài chính	4.318.757.757	4.937.164.982
	Trong đó: Chi phí lãi vay	4.303.059.829	4.814.586.836
6	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	2.071.709.628	2.111.815.688
7	Thu nhập khác	73.305.721	33.000
8	Chi phí khác	287.956.147	69.485.285
9	Lợi nhuận khác	-214.650.426	-69.452.285
<b>B</b>	<b>Xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>		
1	Điều chỉnh tăng lợi nhuận	271.988.994	85.452.438
2	Điều chỉnh giảm lợi nhuận	0	52.392.753
3	Lỗ năm trước chuyển sang	0	0
4	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	2.129.048.196	2.075.423.088
5	Thuế suất thuế TNDN	0	0
6	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	425.809.639	415.084.618
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi khác mức thuế suất phổ thông	0	0
8	Thuế TNDN được miễn, giảm	0	0
9	Thuế TNDN còn phải nộp	425.809.639	415.084.618
<b>III</b>	<b>Thuế TNCN</b>		
	Tổng thuế thu nhập cá nhân phải nộp; trong đó:	89.622.108	93.856.679
1	Thuế TNCN thường xuyên	89.622.108	93.856.679
2	Thuế TNCT khấu trừ tại nguồn 10%	0	0
3	Thuế TNCT khấu trừ tại nguồn 20%	0	0
4	Thuế TNCN đầu tư vốn 5%	0	0
5	Thuế TNCN khác	0	0
<b>IV</b>	<b>Thuế khác</b>		
1	Phí môn bài	3.000.000	3.000.000

### Giải thích số báo cáo:

+ Doanh thu không tính thuế GTGT là hàng hóa hoa hồng, quế, thảo quả qua sơ chế bán tại thị trường nội địa cho các tổ chức kinh doanh thương mại (Điều 5, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính)

+ Doanh thu chịu thuế suất 0% hàng hóa là Hoa hồng, quế, thảo quả sơ chế xuất sang thị trường Ấn Độ, Pakistan (Điều 9, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính)

+ Giảm thuế 8% thuế suất thuế GTGT năm 2022 hàng hóa dịch vụ là nước uống thảo dược (từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022) theo quy định tại Điều 3, Nghị định 15/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

+ Giảm thuế 8% thuế suất thuế GTGT năm 2023 hàng hóa dịch vụ là nước uống thảo dược (từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023) theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị định 44/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ.

\* Giải thích chênh lệch doanh thu tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNDN:

TT	Nội dung	Số báo cáo (đồng)
----	----------	-------------------



Năm 2022		
1	Doanh thu tính thuế GTGT 2022	265.322.707.925
2	Doanh thu tính thuế TNDN 2022	265.381.476.519
3	Chênh lệch = 2-1 (3=3.1+3.2)	(58.768.594)
3.1	Chiết khấu giảm giá hạch toán khoản giảm trừ doanh thu	(57.008.087)
3.2	Kê khai sai số học các hóa đơn: 1615, 1616, 1617, 1618, 27, 208	(1.760.507)
Năm 2023		
1	Doanh thu tính thuế GTGT 2023	314.414.681.993
2	Doanh thu tính thuế TNDN 2023	314.426.485.476
3	Chênh lệch = 2-1 (3=3.1+3.2)	(11.803.483)
3.1	Chiết khấu giảm giá hạch toán khoản giảm trừ doanh thu	(11.078.383)
3.2	Kê khai sai số học hóa đơn 370	(725.100)

**\*Giải thích điều chỉnh chỉ tiêu 37, 38**

Kỳ KK điều chỉnh	Chỉ tiêu 37	Chỉ tiêu 38	Nguyên nhân điều chỉnh
Tháng 6/2022	175.000		Giảm thuế GTGT được khấu trừ 175.000 đồng, của hóa đơn đầu vào số 0000005 ngày 04/01/2022 của công ty Cổ phần thương mại in Sao Việt kê khai trùng 2 lần
Tháng 9/2022		8.769.423	Tăng thuế GTGT được khấu trừ 8.769.423 đồng, do sai số học của hóa đơn đầu ra số 0001658 ngày 26/01/2022: ban đầu kê khai là 9.269.423 đồng, số đúng kê khai lại là 500.000 đồng => dẫn đến điều chỉnh tăng: 9.269.423 - 500.000 = 8.769.423 đồng
Tháng 12/2022		83.785	Tăng thuế GTGT được khấu trừ 83.785đ do hủy hóa đơn đầu ra số 0000260 ngày 22/07/2022 vì hàng bị hỏng 3 lon Kool khách phản hồi, đã xuất lại hóa đơn 0000286 ngày 03/08/2022 cho khách
Tháng 3/2023	3.659.091		Giảm thuế GTGT được khấu trừ 3.659.091 đồng, do điều chỉnh giảm hóa đơn đầu vào số 0001188 ngày 16/02/222 của Công ty Bảo hiểm MIC Hà Nội do hóa đơn xuất cho cá nhân không đủ điều kiện khấu trừ.
Tháng 7/2023	3.296.296		Giảm thuế GTGT được khấu trừ 3.296.296 đồng, do loại không kê khai hóa đơn đầu vào số 00043981 ngày 28/07/2023 của Công ty CP Dịch vụ Chu Du Hai Bốn, do kế toán xác định nhầm là không đủ điều kiện khấu trừ
Tháng 10/2023	752.115		Giảm thuế GTGT được khấu trừ 752.115 đồng, do điều chỉnh giảm 3 hóa đơn trả lại hàng của Aeon số 0001124 ngày 12/07/2023, số 0001041 ngày 13/07/2023 và số 0001327 ngày 09/09/2023, do kế toán xác định nhầm điều chỉnh tăng nhưng lại điều chỉnh giảm.
Tháng 10/2023		3.296.296	Tăng thuế GTGT được khấu trừ 3.296.296 đồng, do kê khai bổ sung hóa đơn đầu vào số 00043981 ngày 28/07/2023 của Công ty CP Dịch vụ Chu Du Hai Bốn.
Tháng 12/2023		752.115	Tăng thuế GTGT được khấu trừ 752.115 đồng, do điều chỉnh giảm 3 hóa đơn trả lại hàng của Aeon số 0001124

ngày 12/07/2023, số 0001041 ngày 13/07/2023 và số 0001327 ngày 09/09/2023.

**\* Giải thích các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2022, 2023:**

A	Nội dung	Số tiền	Diễn giải
	<b>Năm 2022</b>		
1	Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2022	271.988.994	Điều chỉnh tăng các khoản phạt chậm nộp thuế TNCN, TNDN, BHXH, phạt hành chính, các khoản chi không đầy đủ hóa đơn, chứng từ
	<b>Năm 2023</b>		
1	Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2023	85.452.438	Điều chỉnh tăng các khoản phạt chậm nộp thuế TNCN, TNDN, BHXH, phạt hành chính, các khoản chi không đầy đủ hóa đơn, chứng từ
2	Điều chỉnh giảm lợi nhuận năm 2023	52.392.753	Điều chỉnh giảm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền và nợ phải thu bằng ngoại tệ cuối năm

Các nội dung tiến hành kiểm tra.

+ Về Thuế GTGT:

- Doanh thu tính thuế GTGT và thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán ra.
- Điều kiện khấu trừ thuế GTGT hàng hóa dịch vụ mua vào.
- Kiểm tra hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào hạch toán trong kỳ bằng công cụ rà soát hóa đơn bỏ trốn của Cơ quan Thuế.

- Chênh lệch doanh thu tính thuế GTGT và TNDN.

+ Về Thuế TNDN:

- Doanh thu tính thuế TNDN.
- Chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay.
- Kiểm tra doanh thu tính thuế GTGT, TNDN từ hoạt động bán hàng trên các sàn thương mại điện tử từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023.

+ Về thuế TNCN:

- Kiểm tra thuế TNCN phát sinh từ tiền lương, tiền công năm 2022, 2023.
- + Tính hợp pháp việc sử dụng hóa đơn.
- + Đối chiếu chi phí được trừ liên quan đến trích, đóng bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn cho người lao động;

Ngoài các nội dung nêu trên. Đoàn kiểm tra không thực hiện kiểm tra các nội dung khác.

**2. Kết quả kiểm tra.**

**2.1 Kiểm tra Hóa đơn GTGT đầu vào liên quan đến đơn vị bỏ địa chỉ kinh doanh.**

Đoàn kiểm tra sử dụng công cụ tra cứu hóa đơn bỏ địa chỉ kinh doanh phiên bản 9.03 của Cục Thuế Hà Nội. Căn cứ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào hóa đơn chứng từ, sổ kế toán do Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam xuất trình tại thời điểm kiểm tra. Đoàn kiểm tra chưa phát hiện Công ty mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh.

Công ty phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính trung thực, chính xác của những nội dung giải trình và những hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho đoàn kiểm tra.

**2.2. Kết quả kiểm tra:**

**a/ Năm 2022**

**\* Kết quả kiểm tra**



Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Thuế TNDN</b>		
1	Giảm chi phí QLDN do mua hàng hóa dịch vụ không đầy đủ hồ sơ	(40.000.000)	Khoản 2.1, Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính
2	Giảm chi phí tiền lương không đầy đủ hồ sơ	(192.213.982)	Khoản 2.1, Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính

**\* Kết quả điều chỉnh thuế theo kết quả kiểm tra**

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
<b>I</b>	<b>THUẾ TNDN</b>			
1	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	2.129.048.196	2.361.262.178	232.213.982
2	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
3	Thuế TNDN còn phải nộp	425.809.639	472.252.436	46.442.797

**Giải thích số liệu:****Về Thuế TNDN**

- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng 232.213.982 đồng, do các nguyên nhân nêu trên.

- Dẫn đến tăng số thuế TNDN phải nộp số tiền 46.442.797 đồng.

**Về Thuế GTGT: Chưa phát hiện rủi ro****Về Thuế TNCN: Chưa phát hiện rủi ro**

b/ Năm 2023

**\* Kết quả kiểm tra**

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Kết quả ĐC tăng, giảm (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Thuế TNDN</b>		
1	Giảm chi phí QLDN do mua hàng hóa dịch vụ không đầy đủ hồ sơ	(156.434.808)	Khoản 2.1, Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính
2	Giảm chi phí tiền lương không đầy đủ hồ sơ	(26.519.686)	Khoản 2.1, Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính
3	Giảm chi phí bán hàng do mua hàng hóa dịch vụ không đầy đủ hồ sơ	(18.611.119)	Khoản 2.1, Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính
4	Giảm khoản điều chỉnh lợi nhuận do đánh giá không đầy đủ hồ sơ	(52.392.753)	Điều 42, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH ngày 13/06/2019 của Quốc Hội

**\* Kết quả điều chỉnh thuế theo kết quả kiểm tra**

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
<b>I</b>	<b>THUẾ TNDN</b>			
1	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	2.075.423.088	2.329.381.454	253.958.366



2	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
3	Thuế TNDN còn phải nộp	415.084.618	465.876.291	50.791.673

**Giải thích số liệu:****Về Thuế TNDN**

- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng 253.958.366 đồng, do nguyên nhân nêu trên

- Dẫn đến tăng số thuế TNDN phải nộp số tiền 50.791.673 đồng

**Về Thuế GTGT: Chưa phát hiện rủi ro****Về Thuế TNCN: Chưa phát hiện rủi ro****III. Kiểm tra doanh thu tính thuế GTGT, TNDN từ hoạt động bán hàng trên các sàn thương mại điện tử từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023**

Căn cứ thông báo số 15715/TB-CCT-Ktr ngày 29/10/2024 của CCT Thuế Đơn Phụng về việc trao đổi nghĩa vụ thuế đối với các khoản thu nhập từ hoạt động thương mại điện tử.

**1. Thông tin tài khoản của Công ty:**

STT	Số tài khoản	Loại tiền	Ngân hàng
1	1613838383	VNĐ	Ngân hàng TMCP Quân Đội
2	312015657	VNĐ	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
3	0030 1011 6868 6868	VNĐ	Ngân hàng TMCP Phương Đông
4	11610002259999	VNĐ	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

**2. Các trang web bán hàng và các gian hàng công ty đăng ký với các sàn:**

STT	Tên sàn TMĐT	Tên gian hàng	Số hiệu giấy tờ đăng ký	Email đăng ký
1	Thuốc Sĩ	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu và Thực Phẩm Việt Nam	0107409148	mktwewell001@gmail.com
2	Tiki	Wewell - Nước uống thảo dược	0107409148	thunt@vinaherbfoods.com
3	Sàn Shopee	Wewell - Nước uống thảo dược	0107409148	vinaherbfoods@gmail.com

Căn cứ vào hồ sơ khai thuế, sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ và tài liệu có liên quan do Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam xuất trình tại thời điểm kiểm tra, Đoàn kiểm tra xác định:

- Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2023 có phát sinh thu nhập từ sàn Thương mại điện tử cụ thể là: Công ty bán sản phẩm nước uống thảo dược trên sàn thương mại điện tử sàn Thuốc sĩ, Tiki và Shopee, không phát sinh việc nhận các khoản thu nhập từ hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ trên các sàn TMĐT khác.

Qua rà soát đối chiếu từ bảng tổng hợp doanh thu hàng tháng trên các sàn TMĐT, Đoàn kiểm tra tổng hợp thu nhập phát sinh từ sàn thương mại điện tử Thuốc sĩ, Tiki và Shopee của công ty như sau:

Tên sàn TMĐT công ty đăng ký	2022	2023

Thu nhập phát sinh trên sàn TMDT Tiki	8.384.000	7.880.976
Thu nhập phát sinh trên sàn TMDT Shopee		5.609.178
Thu nhập phát sinh trên sàn TMDT Thuốc sĩ	9.736.238	5.526.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.120.238</b>	<b>19.016.954</b>

Kết quả kiểm tra doanh thu tính thuế GTGT, TNDN từ hoạt động bán hàng trên các sàn thương mại điện tử 01/2022 đến tháng 12/2022: Chưa phát hiện rủi ro

**IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước (Biểu chi tiết đính kèm).**

**V. Kiểm tra tính hợp pháp việc sử dụng hóa đơn: (Biểu chi tiết đính kèm).**

Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam đã thực hiện chế độ quản lý và sử dụng hóa đơn chứng từ theo quy định theo Nghị định số 123/2020 NĐ-CP ngày 19/10/2020 của chính phủ quy định về hóa đơn chứng từ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 cụ thể:

**1- Báo cáo tình hình phát hành và sử dụng hóa đơn.**

STT	Ký hiệu mẫu	Ký hiệu hóa đơn	Từ số	Đến số	Ngày bắt đầu sử dụng	DN cung cấp; MST	
1	01GTK T0/002	VN/19E	0000001	0019943	10/06/2019	Công ty cổ phần BkavAV	0101360697
2	1	C22TYT	1	589	09/03/2022	Công ty cổ phần BkavAV	0101360697
3	1	C23TYT	1	527	01/01/2023	Công ty cổ phần BkavAV	0101360697

**2- Tình hình sử dụng hóa đơn GTGT.**

Tình hình sử dụng hóa đơn GTGT năm 2022, 2023 của Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022			Năm 2023	Ghi chú
		Hóa đơn GTGT	Hóa đơn GTGT	Hóa đơn GTGT	Hóa đơn GTGT	
1	Mẫu HĐ; ký hiệu HĐ	01GTKT3/001; VH/16P	01GTKT0/002; VN/19E	1; C22TYT	1; 1C23TYT	
2	Tồn kỳ trước chuyển sang	32	18.368	18.150	17.561	



3	Tổng số phát hành trong kỳ	0	0	0	0	
4	Tổng số sử dụng, xóa bỏ, bị thay thế trong đó	0	18.368	589	527	
a	Đã sử dụng	0	182	581	522	
b	Xóa bỏ, Hủy, bị thay thế	32	18.186	8	5	
5	Số tồn cuối kỳ	0	0	17.561	17.034	

Công ty thực hiện xuất hóa đơn sử dụng được ghi đầy đủ nội dung và được lập theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn, hóa đơn xóa bỏ, bị thay thế có Thông báo hóa đơn điện tử có ghi rõ lý do, nguyên nhân...

#### **VI. Đối chiếu chi phí được trừ liên quan đến trích, đóng bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn cho người lao động:**

Công ty đã thực hiện việc trích và đóng bảo hiểm xã hội năm 2022, 2023. Cụ thể:

- Năm 2022: Số phải nộp 437.179.606 đồng; Số đã nộp 435.216.620 đồng; Số còn phải nộp: 1.962.986 đồng.

- Năm 2023: Số Phải nộp 485.641.000 đồng; Số đã nộp 448.240.656 đồng; Số còn phải nộp: 37.400.344 đồng.

- Công ty nộp tại Bảo hiểm xã hội huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.

- Công ty chưa tham gia kinh phí công đoàn.

Đoàn kiểm tra thực hiện việc chọn mẫu và ghi nhận theo số liệu báo cáo của công ty. Trường hợp sau này nếu có Cơ quan Nhà Nước thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chi tiết phát hiện việc thực hiện trích đóng bảo hiểm xã hội của công ty không đúng quy định thì Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định (*Chi tiết theo phụ lục 02*).

#### **VII. Kết luận và Kiến nghị**

##### **1. Kết luận:**

1.1. Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán:

Công ty đã mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán kết quả kinh doanh theo quy định.

1.2. Về chấp hành quy định về đăng ký khai nộp thuế:

- Về đăng ký thuế: Công ty chấp hành theo quy định về đăng ký thuế.

- Về khai thuế: Công ty thực hiện khai thuế điện tử, định kỳ nộp hồ sơ khai thuế theo quy định.

- Về nộp thuế: Công ty chấp hành theo quy định về việc nộp thuế.

1.3. Về chấp hành quy định các Luật thuế:

Công ty đã chấp hành đầy đủ các qui định về việc kê khai, nộp thuế. Tuy nhiên còn tồn tại các nội dung sau đây:

- Về Thuế TNDN: Công ty hạch toán chi phí chi phí bán hàng, chi phí QLDN không đầy đủ hồ sơ, điều chỉnh các khoản giảm lợi nhuận trước thuế chưa đúng quy định. Vi phạm theo quy định tại Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính. Dẫn đến tăng số thuế TNDN phải nộp số tiền: 97.234.470 đồng.

1.4. Về chấp hành quy định về in, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn:

a. Về chấp hành quy định về in, phát hành, quản lý hóa đơn: Công ty đã thực hiện việc in, phát hành và quản lý hóa đơn theo quy định.



b. Về chấp hành quy định sử dụng hóa đơn khi mua, bán hàng hóa: Công ty mua hàng hóa dịch vụ theo quy định.

1.5. Về việc trích, đóng bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn:

- Về nộp bảo hiểm xã hội: Công ty nộp bảo hiểm xã hội theo quy định.
- Về kinh phí công đoàn: Công ty chưa nộp kinh phí công đoàn.

1.6. Kết quả kiểm tra.

Năm	2022	2023	Tổng cộng	Tiểu Mục
Thuế TNDN	46.442.797	50.791.673	97.234.470	1052
<b>Tổng số thuế truy thu qua kiểm tra</b>			<b>97.234.470</b>	

Căn cứ vào báo cáo tài chính, quyết toán thuế, sổ kế toán, hoá đơn chứng từ, bảng kê hoá đơn đầu vào, đầu ra và các tài liệu liên quan do đơn vị xuất trình tại thời điểm kiểm tra, đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, xác định số liệu tăng (giảm) qua kiểm tra nêu trên. Trường hợp sau này kiểm tra phát hiện số liệu trên báo cáo quyết toán thuế, sổ sách kế toán và chứng từ của đơn vị xuất trình không đúng thực tế, đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Sau khi Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam nhận được Quyết định xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra, Công ty tự rà soát, kiểm tra phát hiện hồ sơ khai thuế đã xuất trình còn sai sót liên quan đến thời kỳ, phạm vi đã kiểm tra dẫn đến phát sinh tăng số thuế phải nộp, giảm số thuế GTGT đã được hoàn, giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau, giảm số thuế đã nộp thừa; Yêu cầu Công ty tự kê khai bổ sung, điều chỉnh và tự tính chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

## 2. Kiến nghị:

2.1. Yêu cầu Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam chấn chỉnh ngay những tồn tại như đã nêu ở phần trên và điều chỉnh số liệu kê khai, điều chỉnh sổ sách kế toán và các tài khoản có nội dung liên quan ngay sau khi nhận được biên bản kết luận kiểm tra để làm cơ sở kê khai, hạch toán cho kỳ sau.

2.2. Đoàn kiểm tra kiến nghị Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội xử lý vi phạm pháp luật về thuế đối với Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam như sau:

a. *Phạt vi phạm hành chính về thuế:*

- Phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Khoản 1, Điều 16, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Khoản 3, Điều 143, Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 của Quốc hội, đối với hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp; Mức phạt bằng 20% số thuế khai thiếu, số tiền: 19.446.894 đồng (*Tiểu mục 4254*);

b. *Biện pháp khắc phục hậu quả:*

b.1. Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại Khoản 2, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, số tiền: 97.234.470 đồng, trong đó:

+ Thuế TNDN (*Tiểu mục 1052*) số tiền 97.234.470 đồng (Năm 2022: 46.442.797 đồng, Năm 2023: 50.791.673 đồng).

b.2. Tiền chậm nộp phải nộp NSNN theo quy định Điểm a, Khoản 2, Điều 59, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội; Khoản 2, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, đối với hành vi chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, số tiền 12.800.389 đồng (*tiền chậm nộp thuế TNDN - Tiểu mục 4918*).

Năm	Số thuế truy thu	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Số tiền thuế truy thu	Số tiền chậm nộp
2022	Thuế TNDN	01/4/2023	20/12/2024	630	46.442.797	8.777.689

2023	Thuế TNDN	01/4/2024	20/12/2024	264	50.791.673	4.022.701
<b>Tổng</b>					<b>97.234.470</b>	<b>12.800.389</b>

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 20/12/2024. Yêu cầu Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kê từ ngày 21/12/2025 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 129.481.753 đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng*).

Yêu cầu Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam nộp đầy đủ, kịp thời số tiền thuế truy thu, tiền phạt và số tiền chậm nộp khi có quyết định xử lý của Cơ quan Thuế.

#### VIII. Ý kiến của doanh nghiệp (nếu có).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản được thông qua vào hồi 09 giờ cùng ngày. *Biên bản gồm có 10 trang; gồm 02 phụ lục*, được lập thành 05 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau; Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam: 01 bản; CCT Đan Phượng: 01 bản; Phòng Thanh tra kiểm tra số 4: 02 bản; Đoàn kiểm tra: 02 bản./.

#### CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

**Chủ tịch HĐQT**



**Bùi Tiến Vinh**

**Kế toán trưởng**

**Phạm Thị Ánh**

#### ĐOÀN KIỂM TRA

**Trưởng đoàn**

**Nguyễn Anh Tuấn**

**Thành viên đoàn kiểm tra**

**Bùi Kim Khánh**



Bảng TH quan hệ NSNN tại Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam

Mã số thuế: 0107409148

Theo QĐ kiểm tra số 62140/QĐ-CTHN-TTKT4 ngày 20/11/2024 của Cục Thuế TP Hà Nội

Năm 2022

Chi tiêu	Số thuế nợ năm trước chuyển sang			Số thuế phát sinh trong năm 2022			Tổng số thuế còn nợ NSNN đến 31/12/2022
	Số thuế còn nợ đến 31/12/2021	Số đã nộp 2022	Số còn phải nộp	Số phát sinh phải nộp	Số đã nộp	Số còn nợ chuyển năm sau	
1	2	3	4=2-3	5	6	7=5-6	8=4+8
<b>Thuế TNDN</b>	<b>721.742.206</b>	<b>580.341.228</b>	<b>141.400.978</b>	<b>472.252.436</b>	<b>0</b>	<b>472.252.436</b>	<b>613.653.414</b>
- K khai, Đ/chính	580.341.228	580.341.228		425.809.639		425.809.639	425.809.639
- Truy thu	141.400.978		141.400.978	46.442.797		46.442.797	187.843.775
<b>Thuế TNCN</b>	<b>22.913.728</b>	<b>22.913.728</b>	<b>0</b>	<b>89.622.108</b>	<b>51.719.399</b>	<b>37.902.709</b>	<b>37.902.709</b>
- K khai, Đ/chính trong đó						0	0
Tiền lương, tiền công	22.913.728	22.913.728		89.622.108	51.719.399	37.902.709	37.902.709
- Truy thu							
<b>Thuế Môn bài</b>				<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>		<b>0</b>

Năm 2023

Chi tiêu	Số thuế nợ năm trước chuyển sang			Số thuế phát sinh trong năm 2023			Tổng số thuế còn nợ NSNN đến 31/12/2023
	Số thuế còn nợ đến 31/12/2022	Số đã nộp 2023	Số còn phải nộp	Số phát sinh phải nộp	Số đã nộp	Số còn nợ chuyển năm sau	
1	2	3	4=2-3	5	6	7=5-6	8=4+8
<b>Thuế TNDN</b>	<b>613.653.414</b>	<b>567.210.617</b>	<b>46.442.797</b>	<b>465.876.291</b>	<b>403.684.465</b>	<b>62.191.826</b>	<b>108.634.623</b>
- K khai, Đ/chính	425.809.639	425.809.639		415.084.618	403.684.465	11.400.153	11.400.153
- Truy thu	187.843.775	141.400.978	46.442.797	50.791.673		50.791.673	97.234.470
<b>Thuế TNCN</b>	<b>37.902.709</b>	<b>37.902.709</b>	<b>0</b>	<b>93.856.679</b>	<b>59.568.426</b>	<b>34.288.253</b>	<b>34.288.253</b>
- K khai, Đ/chính trong đó	0		0				
Tiền lương, tiền công	37.902.709	37.902.709		93.856.679	59.568.426	34.288.253	34.288.253
- Truy thu			0				
<b>Thuế Môn bài</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>		<b>0</b>

Ghi chú:

Số thuế kỳ trước chuyển sang đoàn kiểm tra căn cứ theo biên bản kiểm tra thuế năm 2020-2021 theo QĐ kiểm tra số 37948/QĐ-CTHN-TTKT10 ngày 04/08/2022 của Cục Thuế Hà Nội

Số phát sinh, số thuế đã nộp căn cứ tờ khai và chứng từ nộp tiền của Công ty CP Dược liệu và thực phẩm Việt Nam được tổng hợp tại dữ liệu thuế tập trung (TMS)

Trường hợp dữ liệu phản ánh tại biểu này và dữ liệu tại sổ sách chứng từ của Công ty CP Dược liệu và thực phẩm Việt Nam có sai khác

Công ty CP Dược liệu và thực phẩm Việt Nam có trách nhiệm đối chiếu với các bộ phận liên quan của Chi cục Thuế Đan Phượng để điều chỉnh